

Số: 51/2023/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 11 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kiều C**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều C và anh Nguyễn Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về con chung:* Giao con chung là Nguyễn Đức Thiên B, sinh ngày 22/6/2018 cho chị Nguyễn Thị Kiều C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Kiều C tự nguyện không yêu cầu. Anh Nguyễn Đức T có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản cản trở.

2.2. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị C và anh T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều C tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0007918 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị Kiều C được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã L, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hà Tiên Nghị**